

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89/2023/DS-ST
Ngày: 30-05-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Tám
- Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2023/TLST-**DS** ngày 10 tháng 03 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bà Nguyễn Bé N, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ 09 ấp Hoà Thạnh, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, có mặt;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đinh Huỳnh Ngọc Tr, sinh năm 2000; địa chỉ: khóm Phú Hiệp, thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang là đại diện theo uỷ quyền (giấy uỷ quyền ngày 12/4/2023), có mặt;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1980 và ông Đặng Huy Th, sinh năm 1982; địa chỉ: số 262 tổ 09 ấp Hoà Hiệp, xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tự khai của bà Nguyễn Bé N trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Từ năm 2015 đến 2020 bà Nguyễn Thị G và ông Đặng Huy Th có tham gia giao dịch hụi với bà Nguyễn Bé N. Bà N làm chủ của nhiều dây hụi, trong đó bà G, ông Th tham gia là hụi viên cụ thể như sau: Hụi 1.000.000 đồng/tuần; vợ chồng Th, G tham gia 03 dây, trong đó mỗi dây hụi, tham gia 05 phần; hụi 2.000.000 đồng/10 ngày, bà G, ông Th tham gia 03 dây hụi, mỗi dây tham gia 03 phần; hụi 3.000.000 đồng/10 ngày, tham gia 03 dây, mỗi dây tham gia 02 phần, có dây tham gia 03 phần, hụi 5.000.000 đồng/15 ngày, bà G, ông Th tham gia 03 dây, mỗi dây 02 phần; hụi 10.000.000 đồng/tháng bà G, ông Th tham gia 03 dây, mỗi dây tham 01 phần, có dây tham gia 02 phần; hụi 20.000.000 đồng/tháng, tham gia 01 phần, các phần hụi bà G, ông Th tham gia đều đã hót (lĩnh) hụi hết. Tuy nhiên, sau đó có tháng góp hụi, tháng không và ngừng không góp hụi. Nên giữa bà N và bà G hai bên kết toán lại số tiền nợ hụi tổng cộng là 786.000.000 đồng, phía bà G có làm tờ cam kết mỗi tháng góp tiền hụi là 22.000.000 đồng/tháng. Sau đó, bà G, ông Th góp tháng đầu tiên là 22.000.000 đồng, những tháng tiếp theo thì góp không đầy đủ như đã thỏa thuận, phía bà G, ông Th đã trả dần được số tiền 85.000.000 đồng thì ngừng cho đến nay. Vì vậy, bà N yêu cầu buộc bà G, ông Th có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ là 701.000.000 đồng.

Ngày 27/3/2023 bà Nguyễn Bé N có ý kiến xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện bà G, ông Th đối với số tiền là 42.000.000 đồng. Vì vậy, bà Nguyễn Bé N yêu cầu bà G, ông Th cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi là 659.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất phát sinh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G và ông Đặng Huy Th đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập bà đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà G, ông Th vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà Đinh Huỳnh Ngọc Tr yêu cầu bà G, ông Th cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi là 659.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, đồng thời yêu cầu duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà G và ông Th cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền 659.000.000 cho bà Nguyễn Bé N. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bé N đối

với bà G và ông Th với số tiền 659.000.000 đồng. Tiếp tục duy trì áp quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2023 để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về hợp đồng góp hui được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; và bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Phú Tân. Nên, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị G và ông Đặng Huy Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà bà Nguyễn Thị G và ông Đặng Huy Th theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà G, ông Th có trách nhiệm liên đới trả số tiền hui là 659.000.000 đồng. Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 04 giấy hui có chữ ký của bà G và ông Th, tờ cam kết ngày 16/01/2022. Ngoài ra, còn các lời khai của người làm chứng bà Phan Thị Ng, Lý Thị Kim C là những người cùng tham gia góp hui và là hui viên trong các dây hui do bà Nguyễn Bé N làm chủ. Quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản cho bà G và ông Th, tuy nhiên phía bị đơn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng góp hui, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn; căn cứ vào 04 giấy hui và tờ cam kết giữa chủ hui bà Nguyễn Bé N và hui viên bà Nguyễn Thị G, ông Đặng Huy Th thể hiện bà G, ông Th có ký tên vào sổ hui và tờ cam kết ngày 16/01/2022 nội dung thể hiện bà G cam kết mỗi tháng trả 22.000.000 đồng cho đến hết số tiền hui là 786.000.000 đồng, trong đó bà G đã góp hui nhiều lần được số tiền 127.000.000 đồng, còn nợ lại 659.000.000 đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền hui còn nợ là 659.000.000 đồng là có cơ sở phù hợp với Điều 29 Nghị định 144/2006/CP ngày 27/11/2006 của chính phủ về họ, hui, biểu, phường nên được chấp nhận.

[2.2] Xét về trách nhiệm trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà G, ông Th có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên. Xét thấy, bà G và ông Th có quan hệ vợ chồng và hôn nhân vẫn còn tồn tại, bà G, ông Th tham gia nhiều dây hui, trong đó có chữ ký của Th trong các sổ hui, chữ ký của bà G trong sổ hui và tại

tờ cam kết trả tiền hui do bà N, đối với các giao dịch liên quan đến hoạt động kinh tế gia đình của bà G, ông Th thì vợ chồng bà G, ông Th phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hui trên. Do đó, bà G và ông Th vi phạm nghĩa vụ của hui viên nên theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị G và ông Đặng Huy Th cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Bé N số tiền hui là 659.000.000 đồng.

Đối với, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà G, ông Th với số tiền 42.000.000 đồng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn với số tiền 42.000.000 đồng.

[2.3] Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI số loại (model code): RGV 120, số máy F124124323, số khung RU 120UA 24323, màu sơn: Xanh đen, biển số đăng ký: 67H1-747.95; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô do ông Đặng Huy Th đứng tên. Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bé N được chấp nhận nên Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2023 và huỷ quyết định số 03/2023/QĐ-BPBD ngày 25/4/2023 trả lại số tiền 6.000.000 đồng theo tài khoản phong toả số 108878645029 ngày 25/4/2023 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh An Giang cho bà Nguyễn Bé N là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.360.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 227; 244; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471; 288 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 15; 29 Nghị định 144/2006/CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phườg;

Khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bé N đối với bà Nguyễn Thị G và ông Đặng Huy Th.

Buộc bà Nguyễn Thị G và ông Đặng Huy Th có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Bé N số tiền 659.000.000 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bé N đối với bà Nguyễn Thị G và ông Đặng Huy Th với số tiền 42.000.000 đồng.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI số loại (model code): RGV 120, số máy F124124323, số khung RU 120UA 24323, màu sơn: Xanh đen, biển số đăng ký: 67H1-747.95; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô do ông Đặng Huy Th đứng tên.

4. Huỷ Quyết định số 03/2023/QĐ-BPBD ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân về buộc thực hiện biện pháp bảo đảm.

Bà Nguyễn Bé N được nhận lại số tiền 6.000.000 đồng theo tài khoản phong toả số 108878645029 ngày 25/4/2023 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh An Giang, phòng giao dịch Phú Tân.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị G và ông Đặng Huy Th phải chịu 30.360.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng được sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

Trần Ngọc Diệu